

Bản án số: 1147/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 08 - 11 - 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Long
2. Ông Dương Hiệp Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 859/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Lê Thị Thảo V – sinh năm: 1986

Địa chỉ: 197/9 đường C, TP. Q, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Quốc T – sinh năm: 1981

Địa chỉ: 83 đường B, TP. Q, tỉnh Bình Định.

(Chị V có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lương Lê Thị Thảo V trình bày:

Chị và anh Phan Quốc T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2008 nhưng đến ngày 19/6/2009 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Chị và anh T đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2010 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Minh V, sinh ngày 26/12/2008. Hiện nay cháu V đang sống với chị, sức khỏe tốt. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Thắng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Phan Quốc T:*

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản khai ngày 10/9/2018, anh T công nhận thời gian tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn như chị V đã trình bày. Theo anh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5/2010 và sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc con chung tốt hơn. Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung như chị V trình bày, nếu ly hôn anh tự nguyện giao cháu Phan Ngọc Minh V cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự chấp hành tốt pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật HNGĐ 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Lê Thị Thảo V được ly hôn anh Phan Quốc T; Giao cháu Phan Ngọc Minh V cho chị Lê Thị Thảo V trực tiếp nuôi dưỡng; Chị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng: Anh Phan Quốc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án (khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “ly hôn và tranh chấp về nuôi con” (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lương Lê Thị Thảo V và anh Phan Quốc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 19/6/2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung

sống, chị V và anh T đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5/2010 cho đến nay. Vì vậy, chị V đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải để anh, chị đoàn tụ nhưng chị V vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

HĐXX xét: Hôn nhân của chị V, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị V là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Minh V, sinh ngày 26/12/2008. HĐXX xét: Hiện nay cháu Phan Ngọc Minh V đang ở với chị V, sức khỏe tốt. Chị Lương Lê Thị Thảo V có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Cháu Phan Ngọc Minh V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu cho chị Lương Lê Thị Thảo V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị V không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị V phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lương Lê Thị Thảo V ly hôn anh Phan Quốc T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung cháu Phan Ngọc Minh V, sinh ngày 26/12/2008 cho chị Lương Lê Thị Thảo V được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Lương Lê Thị Thảo V không yêu cầu anh Phan Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị V, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Lê Thị Thảo V phải chịu 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000226 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND P. Tăng Nhơn Phú A, Q9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

